

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản (số liệu báo cáo từ 01/01/2022 đến thời điểm kiểm tra) và làm việc với Đoàn kiểm tra theo nội dung dưới đây:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, năm thành lập?
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đầu tư) số, ngày cấp, cơ quan cấp (nếu cấp đổi thì chỉ ghi ngày đổi lần cuối cùng).
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu.
- Cơ cấu tổ chức, mô hình sản xuất của doanh nghiệp.
- Điện thoại giao dịch: Fax.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp.
- Số tài khoản và tên, địa chỉ của các Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch.
- Tổ chức công đoàn cơ sở (có/không).
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Thực hiện các báo cáo định kỳ

- Báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng và sử dụng lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động ở địa phương.
- Báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

2. Tuyển dụng, đào tạo và thử việc người lao động

- Số lao động tuyển mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến nay. Phương thức tuyển?
- Việc thu phí tuyển dụng người lao động, nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động?
- Việc giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động ?

- Việc ký hợp đồng học nghề, tập nghề (nếu có đào tạo nghề để làm cho doanh nghiệp)?

- Thời gian thử việc người lao động.

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.

- Việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương?

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề (nếu có đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề)?

3. Thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động.

- Số người thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động.

- Số người đã ký kết hợp đồng lao động, chia ra:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn:..... người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn: người, trong đó: Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng:..... người.

- Số người chưa được ký kết hợp đồng lao động, lý do.

- Số người lao động thuê lại? Đơn vị cho thuê lại lao động? Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động? Ngành nghề sử dụng lao động thuê lại?

- Số lao động là người nước ngoài? Số lao động là người nước ngoài đã có giấy phép lao động? Số chưa có Giấy phép lao động? Lý do?

- Số người lao động chưa thành niên? (lập danh sách ghi rõ thông tin: Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh).

- Số người đang học nghề, thử việc?

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2022 đến nay; số người được hưởng trợ cấp mất việc làm và số tiền đã trả.

- Báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi cho nhiều người lao động mất việc làm (nếu có).

- Số lao động thôi việc từ 01 tháng 01 năm 2022 đến nay; số người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc và số tiền đã trả (nếu có).

4. Đối thoại, thương lượng, ký thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc?

- Tổ chức thương lượng tập thể (nếu có)?

- Các nội dung trong TULĐTT có lợi hơn so với luật (nếu có)?

- Việc gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương?

5. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường.

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số giờ làm thêm trường hợp cao nhất/ngày/tháng/năm.

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường; lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

6. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng.

- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân.

- Phương thức trả lương (trả tiền mặt hay trả qua tài khoản); việc thỏa thuận người lao động chịu phí duy trì tài khoản (nếu có).

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng (*theo thời gian, theo sản phẩm, khoán*).

- Việc xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Xây dựng tiêu chuẩn để xếp lương, điều kiện nâng bậc lương.

- Xây dựng quy chế thưởng.

- Tiền lương làm thêm giờ, cách tính.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm.

- Việc phạt tiền, trừ lương người lao động.

- Theo dõi việc trả lương cho người lao động của các cai thầu, cơ sở trung gian (*nếu có*).

- Mức tiền ăn ca/suất (*nếu có*).

7. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Số người làm công tác an toàn vệ sinh lao động, người làm công tác y tế.
- Số an toàn vệ sinh viên; số thành viên Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở (nếu có).
- Lập phương án ứng cứu khẩn cấp?
- Các loại phương tiện kỹ thuật, y tế đã trang bị (để bảo đảm ứng cứu khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng và sơ cứu tai nạn lao động kịp thời).
- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm.
- Tổ chức tự kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động.
- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng (*lập danh sách kèm theo*). Số máy, thiết bị, vật tư đã kiểm định, số chưa kiểm định?
- Số người đã được huấn luyện, cấp giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc thẻ an toàn lao động (nêu cụ thể số người đã được huấn luyện từ nhóm 1 đến nhóm 6).
- Các loại phương tiện bảo vệ cá nhân đã cấp cho người lao động.
- Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?
- Niêm yết bảng chỉ dẫn an toàn tại nơi đặt máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm kiểm tra. Trong đó: tai nạn nhẹ: ... vụ?... người bị tai nạn?; tai nạn nặng: ... vụ?... người bị tai nạn?; tai nạn chết người: ... vụ?... người bị tai nạn?.
- Số vụ tai nạn lao động đã được điều tra/tổng số vụ tai nạn lao động nặng trở lên?
- Số người bị tai nạn lao động đã được hưởng chế độ/ tổng số người bị tai nạn lao động nặng trở lên? Số người bị tai nạn lao động đã được giám định sức khỏe. Số người bị tai nạn lao động đã bố trí trở lại làm việc.
- Các biện pháp kỹ thuật nhằm cải thiện điều kiện, môi trường làm việc.
- Quan trắc môi trường lao động năm 2022: Các yếu tố không đạt tiêu chuẩn và biện pháp xử lý?
- Các mức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại đang thực hiện (nếu có).
- Số người được khám sức khỏe khi tuyển dụng?
- Số người được khám sức khỏe định kỳ/số lao động trong kỳ?

- Số người đã khám bệnh nghề nghiệp/số lao động có phơi nhiễm các yếu tố độc hại tương ứng với từng loại bệnh: Điển do tiếng ồn và các bệnh nghề nghiệp khác (nếu có).

- Số người bệnh nghề nghiệp được phát hiện mỗi loại.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

- + Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

- + Việc bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

- + Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ.

- + Việc thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- + Những trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

- Tổng số lao động chưa thành niên, trong đó:

- + Tổng số lao động dưới 13 tuổi (nêu rõ công việc và nơi làm việc);

- + Tổng số lao động từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi (nêu rõ công việc và nơi làm việc);

- + Tổng số lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi (nêu rõ công việc và nơi làm việc).

- Việc lập sổ theo dõi riêng đối với lao động chưa thành niên.

- Việc ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật khi sử dụng lao động dưới 15 tuổi vào làm việc.

- Số lao động chưa thành niên đã được giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản.

- Số lao động chưa thành niên đã lao động tại doanh nghiệp nhưng chưa được ký hợp đồng lao động bằng văn bản, lý do?

- Thực hiện thời gian làm việc theo tiêu chuẩn: Hàng ngày, hàng tuần đối với lao động chưa thành niên.

- Thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ hàng năm (*ngỉ phép*) đối với lao động chưa thành niên.

- Số giờ làm thêm thực tế hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và trong năm đối với lao động chưa thành niên.

- Việc sử dụng lao động chưa thành niên làm các công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
- Việc lập hồ sơ sức khỏe cho lao động chưa thành niên.

8.3. Lao động là người nước ngoài

- Tổng số lao động là người nước ngoài doanh nghiệp đang sử dụng.
- Số lao động là người nước ngoài thuộc đối tượng phải có giấy phép lao động.
- Số đã được cấp giấy phép, số chưa được cấp giấy phép.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Tổng số lao động là người khuyết tật.
- Tổng số người lao động cao tuổi.
- Việc thực hiện chế độ giảm giờ làm việc đối với lao động cao tuổi.
- Việc bố trí nơi làm việc phù hợp đối với lao động là người khuyết tật.
- Việc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Việc xây dựng và đăng ký nội quy lao động, thời điểm có hiệu lực.
- Số vụ xử lý kỷ luật lao động trong kỳ (phân loại theo các hình thức xử lý kỷ luật lao động).
- Tóm tắt trình tự xử lý kỷ luật lao động doanh nghiệp đang áp dụng.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương (*nếu có*).
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất.

10. Tranh chấp lao động

- Số vụ tranh chấp cá nhân và tập thể của doanh nghiệp.
- Nguyên nhân và biện pháp giải quyết, những vấn đề chưa được giải quyết.
- Tình hình giải quyết các vụ đình công đã xảy ra (*Báo cáo cụ thể từng vụ nếu có*).

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) bảo hiểm y tế (BHYT) (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

11.1. Việc đăng ký tham gia và quản lý sổ

Tiêu chí	BHXH, BHYT	BHTN
Số người thuộc đối tượng phải tham gia		
Số người đã tham gia		

Số người chưa tham gia (*)		
Số sổ BHXH đã được cấp		
Số sổ chưa trả cho người thôi việc (*)		

(*) *Nêu lý do chưa tham gia, chưa trả sổ*

11.2. Việc thu, nộp và chi trả BHXH, BHYT

Số tiền đóng/hưởng (đồng)	Năm 2021	Đến tháng 6/2022
Số tiền BHXH, BHTN, BHYT phải đóng		
Số tiền đã nộp cho cơ quan BHXH		
Số tiền chậm đóng lũy kế đến tháng 6/2022		
Số tiền các chế độ cơ quan BHXH đã trả cho người lao động		
Số tiền các chế độ cơ quan BHXH chậm trả cho người lao động		

Lý do chậm đóng, chậm trả người lao động (nếu có chậm)

12. Khiếu nại về lao động: Số vụ, nguyên nhân và kết quả giải quyết.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

1. Kiểm tra hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ sở, gồm:

a) Nội quy, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy; quyết định phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy của cơ sở;

b) Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế; văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

c) Bản sao bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, bố trí công năng của các hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

đ) Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy hoặc bản sao chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp;

e) Phương án chữa cháy của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy;

g) Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; tài liệu ghi nhận kết quả tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ sở; báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ 06 tháng của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; báo cáo khi có thay đổi về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy (nếu có); văn bản kiến nghị về công tác phòng cháy và chữa cháy, biên bản vi phạm, quyết định xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy và chữa cháy, quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ hoạt động, quyết định phục hồi hoạt động của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

h) Báo cáo vụ cháy, nổ (nếu có); thông báo kết luận điều tra nguyên nhân vụ cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

i) Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định (nếu có);

k) Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

2. Kiểm tra các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ, trong đó lưu ý một số vấn đề sau:

- Kiểm tra việc niêm yết và chấp hành nội quy, quy định, quy trình về PCCC của cơ sở.

- Các giải pháp, điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan.

- Các điều kiện đảm bảo thoát nạn, cứu người, cứu tài sản khi có sự cố.

- Tình trạng hoạt động của dây chuyền công nghệ, thiết bị máy móc có nguy cơ xảy ra cháy, nổ.

- Điều kiện an toàn đối với hệ thống điện, chống sét; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt.

- Công tác sắp xếp, bảo quản vật tư, hàng hóa và các chất có nguy hiểm cháy, nổ.

- Điều kiện vệ sinh công nghiệp có liên quan đến PCCC.
 - Kiểm tra việc trang bị, bảo quản, bảo dưỡng và tình trạng hoạt động của các hệ thống PCCC, các phương tiện chữa cháy tại chỗ.
 - Điều kiện giao thông, nguồn nước, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác chữa cháy.
- * Việc chấp hành các quy định của pháp luật khác có liên quan đến công tác an toàn PCCC

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP

DOANH NGHIỆP BÁO CÁO

(Ký tên và đóng dấu)